

TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày: 16/12/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị O
2. Ông Lê Văn L

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M- Thư ký TAND T phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu L - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Khắc T – sinh năm 1953; Số CMND/thẻ CCCD: 038051004522; HKTT: Phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Số 246/18 Đ, phường T, quận Tân Phú, Thành phố H; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Khắc Kh, Con bà: Nguyễn Thị H (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Đ và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/7/2024 đến ngày 18/7/2024 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an T phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: ông Trần Chí D, sinh năm 1963

Trú tại 08/1 Đ, phường T, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1962

Trú tại: phố C, phường Đ, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1990.

Trú tại: phố C, phường Đ, T phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Anh Lê Công S – sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: Số 01/10 P, phường T, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị Thanh H – sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 08/01 Đ, phường Đ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Lê Khắc T đưa ra thông tin là cán bộ Học viện Tài chính về hưu, có nhiều mối quan hệ và khả năng xin việc để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tháng 6 năm 2014, T đến nhà nghỉ Á ở 23 N, phường Đô, Thành phố Thanh Hoá gặp ông Trần Chí D, T nói có khả năng xin việc nên ông D đặt vấn đề xin việc cho chị Nguyễn Thị Ngọc A (là con gái của ông Nguyễn Văn D2 là bạn ông D). T trao đổi với ông D xin cho A vào làm kế toán trong trường học trên địa bàn Thành phố Thanh Hoá với kinh phí là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), nếu đồng ý thì đưa trước 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) khi nào có quyết định đi làm thì đưa số tiền còn lại. Ông D trao đổi lại với ông D2, gia đình ông D2 đồng ý. Ngày 11/06/2014, tại nhà nghỉ A Dương, ông D đưa cho T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cùng hồ sơ xin việc của chị A, T đã viết giấy nhận tiền.

Ngày 05/9/2014, T đến nhà ông D trao đổi cần thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để lo việc cho cháu A, ông D đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra do lo sợ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Lê Khắc T đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 06/10/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Thanh Hoá đã ra Quyết định truy nã. Ngày 14/7/2024, T đang lẩn trốn tại quận Tân Phú, T phố Hồ Chí Minh thì bị Cơ quan Cơ quan điều tra Công an T phố Thanh Hoá phát hiện, bắt giữ.

Tại Bản kết luận giám định số 3227/KL-KTHS ngày 30/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa Thanh Hóa kết luận: Chữ viết, chữ ký đúng tên Lê Khắc T ở mẫu cần giám định (trừ mục “Người làm chứng nhận tiền”) so với chữ viết, chữ ký đúng tên Lê Khắc T ở mẫu so sA do cùng một người viết và ký ra.

Về phần dân sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường đủ số tiền đã chiếm đoạt cho ông Trần Chí D và Nguyễn Văn D2, nên ông D, ông D2 không yêu cầu Tòa án giải quyết phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 312/CT-VKS ngày 23/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân T phố Thanh Hóa đã truy tố Lê Khắc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 điều 174 - BLHS

Tại phiên tòa, đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS, điểm b, s, o khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Về hình phạt đại diện VKS đề nghị xử phạt Lê Khắc T mức án từ 07 năm đến 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Ngoài ra VKS còn đề nghị bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại gì.

[2] Về hành vi phạm tội:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 9 năm 2014, Lê Khắc T đã dùng thủ đoạn gian dối là đưa thông tin có khả năng xin được việc làm nên ông Trần Chí D đưa cho T 220.000.000 đồng xin việc cho chị Nguyễn Thị Ngọc A (là con gái của ông Nguyễn Văn D2 bạn ông D), sau đó T không xin việc cho chị A và lấy số tiền đó tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của Lê Khắc T có đủ dấu hiệu cấu T tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 điều 174 BLHS.

[3] Đa giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý hành

chính, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo biết và nhận thức rõ mình không có khả năng xin việc cho người khác nhưng vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin tưởng giao giao số tiền 220.000.000 đồng cho bị cáo. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai báo, tác động đến gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả, tại thời điểm xét xử bị cáo là người đủ 70 tuổi. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, o khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào nhân thân, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Bị cáo là người đã có tuổi, có kinh nghiệm và trải nghiệm trong cuộc sống, nhưng không sống cuộc sống lương thiện, để làm gương cho con cháu. Khi gặp khó khăn đã chọn thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 220.000.000 đồng của ông Trần Chí D. Khi bị phát hiện, bị cáo còn bỏ trốn suốt một thời gian dài và sau đó bị bắt theo lệnh truy nã. Điều đó cho thấy sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, khi xem xét về hình phạt cần áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ nên cho bị cáo mức án thấp của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo T người có ích cho xã hội.

Do bị cáo không có công việc ổn định, tuổi đã cao nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về dân sự: Theo báo cáo của ông Trần Chí D, và ông Nguyễn Văn D2 đã nhận tiền bồi thường khắc phục hậu quả và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX công nhận phần bồi thường dân sự giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã giải quyết xong.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, o khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Khắc T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Lê Khắc T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/7/2024.

Về dân sự: Công nhận phần dân sự đã được giải quyết xong.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDTPH;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADSTPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Q

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Lê Thị Oanh

Lê Văn Luận

Trương Thị Quỳnh

